

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 102/2019/DS-GĐT

Ngày: 07/5/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường.

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Ông Phan Thanh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Luyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Đinh B, sinh năm 1962.

1.2. Huỳnh T, sinh năm 1965.

1.3. Huỳnh V, sinh năm 1968.

1.4. Đỗ N, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn T, thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn V, đoàn luật sư tỉnh B.

2. Bị đơn: Nguyễn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh B.

Bà T ủy quyền cho ông Lê C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số E, đường Nguyễn T, thành phố T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đinh B và bà Huỳnh T trình bày:

Trước đây vợ chồng tôi có cho bà T vay số tiền tổng cộng 205.000.000 đồng, cụ thể ở các lần như sau:

- + Lần 1: Vào ngày 16/10/2011 cho vay 40.000.000 đồng.
- + Lần 2: Vào ngày 20/10/2011 cho vay 22.000.000 đồng.
- + Lần 3: Vào ngày 24/10/2011 cho vay 100.000.000 đồng.
- + Lần 4: Vào ngày 29/10/2011 cho vay tiếp 40.000.000 đồng.
- + Lần 5: Vào ngày 07/11/2011 cho vay 3.000.000 đồng.

Lãi suất các bên thỏa thuận cứ 1.000.000 đồng mỗi ngày đóng 1.500 đồng, phía bà T có đóng lãi đến ngày 01/12/2011, số tiền nợ gốc hai bên thỏa thuận khi nào chúng tôi cần thu hồi vốn thì bà T sẽ trả, việc vay tiền chỉ một mình bà T đứng vay, sau đó chúng tôi có yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả. Nay yêu cầu vợ chồng bà T liên đới trả cho vợ chồng tôi số tiền trên và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2011 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định.

Nguyên đơn bà Đỗ N và ông Huỳnh V trình bày:

Vào ngày 21/9/2011, vợ chồng tôi có cho bà T vay số tiền 351.000.000 đồng, việc cho vay chỉ thỏa thuận miệng và chỉ một mình bà T đứng vay, lãi suất cứ 1.000.000 đồng mỗi ngày đóng 1.500 đồng, khi vay các bên thỏa thuận khi nào tôi cần thu hồi vốn sẽ trả, nhưng đến hạn vợ chồng tôi đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả, bà T chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền vốn, không đóng lãi được ngày nào. Nay yêu cầu vợ chồng bà T liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 21/9/2011 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định.

Bị đơn bà Nguyễn T có người đại diện là ông Lê C trình bày:

Việc vay tiền giữa các bên không có giấy tờ chứng minh, đĩa ghi âm, ghi hình do các nguyên đơn cung cấp đã được Tòa án tổ chức công bố công khai cho nghe, cho thấy, nhưng tôi không xác định việc thừa nhận nợ với các nguyên đơn có phải giọng nói, hình ảnh của bà T hay không, nên không đồng ý trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2014/DS-ST ngày 19/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đinh B, bà Huỳnh T, ông Huỳnh V,

bà Đỗ T.

Buộc bà Nguyễn T trả cho vợ chồng ông Đinh B, bà Huỳnh T số tiền nợ gốc 205.000.000 đồng và tiền lãi 0.75%/tháng tính từ ngày 01/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 33 tháng với số tiền 50.737.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 255.737.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn T trả cho vợ chồng ông Huỳnh V, bà Đỗ N số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi 0.75%/tháng tính từ ngày 21/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 35 tháng với số tiền 91.900.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 441.900.000 đồng.

Bác yêu cầu của ông B, bà T, ông V, bà N về việc yêu cầu ông T liên đới cùng bà T trả cho ông B, bà T số tiền 255.737.000 đồng, trả cho ông V, bà N số tiền 441.900.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2014, bà Nguyễn T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2015/DS-PT ngày 03/4/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2014/DS-ST ngày 19/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Tuyên xử:

Không Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh B, bà Huỳnh T, ông Huỳnh V, bà Đỗ T về việc buộc bà Nguyễn T trả cho vợ chồng ông Đinh B, bà Huỳnh T số tiền nợ gốc 205.000.000 đồng và tiền lãi; và việc buộc bà Nguyễn T trả cho vợ chồng ông Huỳnh V, bà Đỗ N số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 25/5/2015, ông Đinh B, bà Huỳnh T và ông Huỳnh V, bà Đỗ N có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2015/DS-PT ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đề nghị hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2015/DS-PT ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2014/DS-ST ngày 19/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Tại Quyết định số 76/2018/KN-DS ngày 22/3/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2015/DS-PT ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2014/DS-ST ngày 19/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Các nguyên đơn ông Đinh B, bà Huỳnh T, ông Huỳnh V, bà Đỗ N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn T trả các khoản nợ vay gồm: Trả cho ông Đinh B, bà Huỳnh T số tiền 205.000.000 đồng; trả cho ông Huỳnh V, bà Đỗ N số tiền là 350.000.000 đồng. Các nguyên đơn nộp chứng cứ là đĩa ghi âm, ghi hình cho Tòa án và cho rằng nội dung ghi âm là bà T đã thừa nhận có nợ tiền vay của các nguyên đơn.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà Nguyễn T để đối chất và làm rõ giọng nói trong đĩa ghi âm, ghi hình nhưng bà T không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản đối tài liệu mà các nguyên đơn cung cấp. Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Lê C cho rằng đĩa ghi âm không xác định được có phải giọng nói của bà T hay không và đoạn băng đĩa ghi hình không rõ nội dung và hình ảnh nên đây không phải là chứng cứ chứng minh.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Các đương sự có ý kiến khác nhau về tài liệu là đĩa ghi âm, ghi hình. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh V và bà Đỗ N đã có đơn yêu cầu giám định. Căn cứ Điều 81, 82, 83 và Điều 90 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định trưng cầu giám định nội dung cuộc nói chuyện trong đĩa ghi âm, ghi hình thì mới có căn cứ giải quyết vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện là trái với quy định nêu trên.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định các nguyên đơn thừa nhận đĩa ghi âm, ghi hình đã cung cấp cho Tòa án có hình ảnh không rõ ràng và nội dung không xác định bà T có nợ các nguyên đơn bao nhiêu tiền, từ đó bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ Luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 76/2018/KN-DS ngày 22/3/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2015/DS-PT ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2014/DS-ST ngày 19/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giữa nguyên đơn là ông Đinh B, bà Huỳnh T, ông Huỳnh V và bà Đỗ N

với bị đơn là bà Nguyễn T; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: Phòng GDKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

**TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Cường